

Số: /2026/QĐ-UBND Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2020 của UBND thành phố Hà Nội quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 52/2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2025 của UBND thành phố Hà Nội)

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 350/TTr-STC ngày 10 tháng 01 năm 2026; Công văn số 1600/STC-TCHCSN ngày 02 tháng 02 năm 2026;

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 52/2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2025 của UBND thành phố Hà Nội).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 52/2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2025 của UBND thành phố Hà Nội).

1. Sửa đổi Điều 4 như sau:

“Điều 4. Ủy quyền, nội dung ủy quyền và trách nhiệm của cơ quan, người được ủy quyền

1. Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định:

a) Phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; đặt hàng (hoặc giao nhiệm vụ trong trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định) đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích hoặc tổ chức đấu thầu theo quy định đối với sản phẩm, dịch vụ công sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách Thành phố trong lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

b) Phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách Thành phố cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện trong lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

2. Thời hạn ủy quyền: kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

3. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố được ủy quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền theo Quy định này.”.

2. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 5 như sau:

“Điều 5. Thẩm quyền quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu sản phẩm, dịch vụ công

1. Hàng năm, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng ngân sách thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu sản phẩm, dịch vụ công có trách nhiệm xây dựng phương án lựa chọn nhà cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trình cơ quan quản lý cấp trên là cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố (nếu có), Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

2. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; đặt hàng (hoặc giao nhiệm vụ trong trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định) đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích hoặc tổ chức đấu thầu theo quy định từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách theo phân cấp quản lý.”.

3. Sửa đổi Điều 8 như sau:

“Điều 8. Điều kiện đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

Thực hiện theo khoản 1 Điều 143 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (sau đây gọi tắt là Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.”.

4. Sửa đổi Điều 10 như sau:

“Điều 10. Quy trình đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

1. Quy trình đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 143 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

2. Lấy ý kiến về khả năng cân đối ngân sách

a) Đối với cấp Thành phố: Trong trường hợp đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác, cơ quan quyết định phê duyệt đặt hàng có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu kinh phí dự kiến đặt hàng (của tổng thể cả lĩnh vực nếu bao gồm nhiều phương án đặt hàng) trong năm kế hoạch, gửi Sở Tài chính tham gia ý kiến về khả năng cân đối ngân sách trước khi phê duyệt phương án đặt hàng.

b) Đối với cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp xã giao đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng ngân sách thực hiện quy trình đặt hàng theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Đơn vị được giao nhiệm vụ có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu kinh phí dự kiến đặt hàng (của tổng thể cả lĩnh vực nếu bao gồm nhiều phương án đặt hàng) trong năm kế hoạch, gửi cơ quan chuyên môn về Tài chính cấp xã tham gia ý kiến về khả năng cân đối ngân sách trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt đặt hàng.

3. Căn cứ Quyết định phê duyệt đặt hàng, hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, bên nhận đặt hàng tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đảm bảo đúng các nội dung quy định tại Quyết định đặt hàng và hợp đồng đặt hàng.”.

5. Sửa đổi Điều 12 như sau:

“Điều 12. Lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

Việc lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện theo khoản 3 Điều 143 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.”.

6. Sửa đổi Điều 13 như sau:

“Điều 13. Lấy ý kiến về khả năng cân đối ngân sách

1. Đối với cấp Thành phố:

a) Đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng ngân sách để đấu thầu có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu kinh phí dự kiến thực hiện gói thầu (của tổng thể cả lĩnh vực nếu bao gồm nhiều gói thầu), báo cáo cơ quan quản lý cấp trên là cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố (nếu có).

b) Cơ quan quản lý cấp trên xem xét, có văn bản lấy ý kiến tham gia của Sở Tài chính về khả năng cân đối ngân sách nhà nước; yêu cầu đơn vị được giao kinh phí thực hiện đấu thầu điều chỉnh kinh phí dự kiến thực hiện gói thầu và các nội dung khác (nếu cần thiết) trước khi tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật.

2. Đối với cấp xã: Đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng ngân sách để đấu thầu có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu kinh phí dự kiến thực hiện gói thầu (của tổng thể cả lĩnh vực nếu bao gồm nhiều gói thầu), gửi cơ quan chuyên môn

về Tài chính cấp xã tham gia ý kiến về khả năng cân đối ngân sách trước khi tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật.”.

7. Sửa đổi Điều 15 như sau:

“Điều 15. Điều kiện đặt hàng cung cấp sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

Thực hiện theo khoản 4 Điều 143 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.”.

8. Sửa đổi Điều 17 như sau:

“Điều 17. Quy trình đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích

Quy trình đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo khoản 5 Điều 143 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 10 Quy định này.”.

9. Sửa đổi Điều 19 như sau:

“Điều 19. Lựa chọn nhà thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích

Việc lựa chọn nhà thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện theo khoản 6 Điều 143 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.”.

10. Sửa đổi Điều 20 như sau:

“Điều 20. Lấy ý kiến về khả năng cân đối ngân sách

Thực hiện theo Điều 13 Quy định này.”.

11. Sửa đổi Điều 22 như sau:

“Điều 22. Quyết toán kinh phí

Việc quyết toán kinh phí giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thực hiện theo Điều 25 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.”.

12. Sửa đổi điểm c), điểm e) khoản 1 Điều 26 như sau:

“c) Xây dựng đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công; mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công; mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc phạm vi quản lý của Thành phố theo quy định của pháp luật về giá và quy định của các pháp luật khác có liên quan;”

e) Phê duyệt dự toán chi tiết đối với phương thức giao nhiệm vụ; phê duyệt phương án đặt hàng, đặt hàng điều chỉnh đối với phương thức đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;”.

13. Sửa đổi điểm d) khoản 2 Điều 26 như sau:

“d) Tham gia ý kiến về khả năng cân đối ngân sách đối với phương án đặt hàng, phương án đặt hàng điều chỉnh nhà cung ứng dịch vụ sự nghiệp công khác, nhà sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; gói thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước;”.

14. Sửa đổi Điều 29 như sau:

“Điều 29. Chế độ báo cáo

Kết thúc năm ngân sách và trước ngày 15 tháng 02 hàng năm, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng ngân sách lập báo cáo kết quả thực hiện của từng Hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trong năm, gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) và Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp; đồng thời, gửi cơ quan chuyên môn về Tài chính cùng cấp để tổng hợp, phục vụ công tác quản lý nhà nước.

Báo cáo gồm các nội dung: Tình hình triển khai, kết quả thực hiện trong năm; tình hình thực hiện kinh phí (giá trị Hợp đồng, dự toán kinh phí được bố trí trong năm, kết quả thanh toán, quyết toán kinh phí, kinh phí chuyển tiếp năm sau thanh toán nếu có)."

15. Thay thế cụm từ “*cơ quan quản lý chuyên ngành*” bằng cụm từ “*cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.*” tại khoản 1 Điều 2; khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 9; khoản 2, khoản 3 Điều 11; khoản 2 Điều 16; khoản 1, khoản 2 Điều 26; Điều 29.

16. Bãi bỏ Điều 23, Điều 24; điểm a), điểm b), điểm c) khoản 2 Điều 26.

Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Giám đốc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố; Giám đốc Kho bạc nhà nước Khu vực I; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và QLXLVPHC);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Đảng ủy UBND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Thành phố;
- UBND các xã, phường;
- VPUBTP: CVP, các PCVP, các phòng CM;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Đại Thắng